

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH KẾ TOÁN

*(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHDL, ngày tháng 6 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Điện lực)*

Phần 1: Thông tin về chương trình đào

Chương trình đào tạo:

Tên tiếng Việt: Kế toán

Tên tiếng Anh: Accounting

Mã ngành đào tạo: 7340301

Trình độ đào tạo: Đại học

Thời gian đào tạo: 4 năm

Tên văn bằng sau tốt nghiệp: Bằng Cử nhân

Tên đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Điện lực

Nhà trường được công nhận kiểm định chất lượng theo Quyết định số 226/QĐ-KĐCL ngày 30/6/2018 do Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Quốc gia Hà Nội cấp.

Thời điểm thiết kế/điều chỉnh bản mô tả: Năm học 2020 - 2021

Phần 2: Mục tiêu chương trình, chuẩn đầu ra, học tập và đánh giá, cấu trúc chương trình đào tạo, mô tả học phần

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cung cấp kiến thức cơ bản về kế toán, tài chính và quản trị trong tổ chức; trang bị các kỹ năng sử dụng công cụ quản lý trong tổ chức; các phần mềm chuyên dụng về kế toán; kỹ năng sử dụng Excel và khả năng xác định và giải quyết vấn đề quản trị lĩnh vực kế toán; các vấn đề liên quan đến công tác kế toán, quản lý tài chính trong một tổ chức.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

Có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực Kế toán; nắm vững kỹ thuật và có kiến thức kế toán – kiểm toán – tài chính để có thể giải quyết các công việc liên quan; tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật xã hội trong lĩnh vực kế toán để phát triển kiến thức mới cho ngành kế toán và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn; có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực kế toán;

1.2.2. Kỹ năng

Có kỹ năng hoàn thành công việc kế toán, vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành kế toán trong những loại hình doanh nghiệp khác nhau; có kỹ năng thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những công nghệ tiên tiến để giải quyết những vấn đề thực tế trong lĩnh vực kế toán; có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề này sinh trong kỳ kế toán tại tổ chức.

1.2.3. Thái độ

Có ý thức, sáng kiến trong quá trình thực hiện công việc kế toán; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình

1.2.4. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng đảm nhiệm các vị trí công tác sau:

- Kế toán viên tại các doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các loại hình công ty khác, ban quản lý dự án,...
- Kế toán tổng hợp ở các doanh nghiệp và các tổ chức khác.
- Có khả năng đảm nhiệm vị trí kế toán trưởng hoặc có khả năng chuyển đổi để làm các công việc khác trong doanh nghiệp và các tổ chức khác (khi có kinh nghiệm thực tiễn).
- Nhân viên phân tích tài chính trong các doanh nghiệp và các tổ chức khác.
- Trợ lý kiểm toán, kiểm toán viên (đã có kinh nghiệm làm việc) trong các công ty kiểm toán độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ, cơ quan kiểm toán nhà nước.
- Nhân viên kế toán quản trị trong các doanh nghiệp và các tổ chức khác.
- Giáo viên giảng dạy các môn học kế toán, kiểm toán tại các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề.
- Nghiên cứu viên thuộc lĩnh vực kế toán, kiểm toán, kiểm soát ở các viện nghiên cứu, các trung tâm, các cơ quan nghiên cứu của các bộ, ngành, các trường đại học và cao đẳng.
- Có khả năng chuyển đổi để làm các công việc khác trong các doanh nghiệp và tổ chức khác.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Chuẩn đầu ra chung cho khối ngành kinh tế

(11 + 4 = 15 CDR phù hợp với Khung năng lực quốc gia QĐ 1982/2016)

Nhóm CDR	Mã CDR	Chi tiết
CDR – Kiến thức	1	Áp dụng được các kiến thức khoa học tự nhiên cơ bản, kỹ thuật, kỹ năng và công cụ tiên tiến trong lĩnh vực kế toán;
	2	Áp dụng được các kiến thức khoa học xã hội để lĩnh hội chuyên môn, giải quyết các tình huống trong quản lý công việc;
	3	Áp dụng được kiến thức công nghệ thông tin trong lĩnh vực kế toán
	4	Áp dụng được kiến thức để lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong quá trình thực hiện công tác kế toán
	5	Áp dụng được các kiến thức cơ bản trong quản lý, điều hành trong hoạt động kế toán
CDR – Kỹ năng	9	Có khả năng phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kế toán;
	10	Có kỹ năng dẫn dắt, hướng dẫn người khác thực hiện của công việc do mình quản lý, tư vấn thuộc ngành kế toán
	11	Có kỹ năng phản biện, phê phán và đưa ra các biện pháp xử lý khác nhau trong lĩnh vực kế toán
	12	Có kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả của các thành viên trong nhóm
	13	Có khả năng viết, thuyết trình, sử dụng các công cụ biểu đồ, hình

Nhóm CDR	Mã CDR	Chi tiết
		ảnh cho việc trao đổi thông tin, kiến thức ngành kế toán; có khả năng tìm kiếm và sử dụng các tài liệu chuyên môn, các chuẩn mực ngành nghề và các quy định pháp lý khác phục vụ cho công việc;
	14	Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.
CDR – Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm	18	Hình thành khả năng làm việc độc lập hoặc làm theo nhóm; biết tự chịu trách nhiệm với kết quả làm việc của cá nhân và với nhóm.
	19	Có trách nhiệm trong hướng dẫn cũng như giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ đặt ra.
	20	Hiểu được những ảnh hưởng, tác động công việc thực hiện tới xã hội và các bên liên quan; Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp cao, tôn trọng niềm tin các bên liên quan
	21	Hình thành ý thức về đảm bảo chất lượng theo chính sách quản lý chất lượng công việc, quản lý các nguồn lực và liên tục cải tiến trong công tác; Có ý thức không ngừng học hỏi và trau dồi nghề nghiệp, có khả năng tự định hướng để phát triển sự nghiệp

2.2. Chuẩn đầu ra chuyên biệt ngành kế toán (4 CDR)

Nhóm CDR	Mã CDR	Chi tiết
CDR – Kiến thức	6	Áp dụng được chế độ, chuẩn mực kế toán, và các quy định pháp lý về tài chính trong việc thực hiện công tác kế toán trong đơn vị
	7	Tổ chức được công tác kế toán trong các tổ chức (tổ chức công việc và bộ máy kế toán)
CDR – Kỹ năng	15	Hiểu và phân tích báo cáo tài chính và báo cáo kế toán khác trong đơn vị
	16	Phân tích và đánh giá công việc kế toán, tư vấn cho nhà quản trị trong việc ra quyết định

2.3. Chuẩn đầu ra chuyên biệt chuyên ngành kế toán doanh nghiệp (2 CDR)

Nhóm CDR	Mã CDR	Chi tiết
CDR – Kiến thức	8	Áp dụng được các chuẩn mực kế toán, các quy định về đạo đức nghề nghiệp trong giải quyết các tình huống kế toán
CDR – Kỹ năng	17	Thực hiện các phân hành kế toán, lập các báo cáo tài chính, phân tích tình hình tài chính trong các loại hình doanh nghiệp và các tổ chức khác

2.3. Chuẩn đầu ra chuyên biệt chuyên ngành kế toán và kiểm soát (2 CDR)

Nhóm CDR	Mã CDR	Chi tiết
CDR – Kiến thức	8	Áp dụng được các kỹ thuật kế toán quản trị, các quy định về kế toán và đạo đức nghề nghiệp trong giải quyết các tình huống phục vụ cho kiểm soát và ra quyết định quản trị
CDR – Kỹ năng	17	Thiết kế hệ thống báo cáo kế toán quản trị phù hợp cho đơn vị, thực hiện lập và phân tích các báo cáo kế toán quản trị cho nhu cầu thông tin của nội bộ đơn vị kế toán

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 131 Tín chỉ

(Không kể khối lượng Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh)

4. Đối tượng tuyển sinh

- Đã tốt nghiệp THPT (giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên), hoặc đã tốt nghiệp trung cấp;

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

- Không vi phạm pháp luật; không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển và thi tuyển

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp và điểm đánh giá học phần, tốt nghiệp

Tổ chức thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp theo Quy chế đào tạo hiện hành của Bộ giáo dục và Đào tạo.

6. Cách thức đánh giá: Chấm điểm theo thang điểm 10 và quy đổi theo thang điểm chữ theo quy định tại Quy chế đào tạo hiện hành.

7. Ma trận chuẩn đầu ra và môn học: (5 cấp bậc đánh giá: 1. Hiểu; 2. Ứng dụng; 3. Phân tích; 4. Tổng hợp; 5. Đánh giá)

TT	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	KIẾN THỨC								KỸ NĂNG									TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM			
						K1	K2	K3	K4	K5	K6	K7	K8	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	KN8	KN9	TC1	TC2	TC3	TC4
						1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG																										
1	003923	Triết học Mác Lênin	3	45			2																		1	
2	003925	Kinh tế Chính trị Mác Lênin	2	30			2																		1	
3	003926	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	30			2																		1	
4	003505	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			2																		1	
5	003928	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30			2																		1	
6	003137	Tiếng Anh 1	4	60														2								
7	003144	Tiếng Anh 2	3	45														2								
8	000801	Giáo dục thể chất	2	30																						
9	000785	Giáo dục quốc phòng	5	75																						
10	003360	Toán cao cấp 1	2	30		2																				
11	003366	Toán cao cấp2	2	30		2																				
12	003657	Lý thuyết xác suất và	2	30		2																				

TT	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	KIẾN THỨC								KỸ NĂNG									TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM			
						K1	K2	K3	K4	K5	K6	K7	K8	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	KN8	KN9	TC1	TC2	TC3	TC4
						1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
		thống kê toán																								
13	001893	Nhập môn tin học	3	45				2									2									
14	002018	Pháp luật đại cương	2	30					2						5									4		
15	002244	Quản trị học	3	45			4		5					4	4							4	3			
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP																										
CƠ SỞ NGÀNH																										
1	001216	Kinh tế vi mô	3	45		3	3		3	3				2												
2	001223	Kinh tế vĩ mô	2	30						3				2								3		2		
3	002354	Tài chính-tiền tệ	2	30		1	2				3	2							1	1						
4	001852	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	45				4	5					4				4		5			5			
5	001506	Luật kinh tế	2	30					2														4	2		
6	002078	Phương pháp tối ưu trong kinh tế	3	45		2																5	3			
7	001838	Nguyên lý kế toán	3	45							2	3			5										1	
NGÀNH																										
1	001067	Kế toán tài chính 1	3	45							2	2	2			3										5
2	001071	Kế toán tài chính 2	3	45							2	2	2			3										5

TT	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	KIẾN THỨC								KỸ NĂNG									TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM			
						K1	K2	K3	K4	K5	K6	K7	K8	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	KN8	KN9	TC1	TC2	TC3	TC4
						1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
3	001044	Kế toán quản trị	2	30						2										3	3			5		
4	001056	Kế toán quốc tế	3	45			3						2	3												3
5	001013	Kế toán chi phí	2	30						2										2	3			4		
6	001575	Lý thuyết Kiểm toán	2	30					2							5									2	
7	000953	Hệ thống thông tin kế toán	2	30				2		2		4										4	5			
8	003212	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán	3	45															2				5			5
9	001967	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	45																						
10	002208	Quản lý tài chính	3	45																						
11	003093	Thuế và hệ thống thuế Việt Nam	3	45							2			3		4		2			4		5			
12	002059	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30			2							3			2	2					3	3		
13	001195	Kinh tế lượng	3	45		2								1												
14	003304	Tin học ứng dụng trong Tài chính kế	2	30		2		2															5			

TT	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	KIẾN THỨC								KỸ NĂNG									TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM			
						K1	K2	K3	K4	K5	K6	K7	K8	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	KN8	KN9	TC1	TC2	TC3	TC4
						1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
		toán																								
15	002176	Quản lý nhân lực	3	45			3			3							3									4
16	002338	Tài chính doanh nghiệp	3	45						1	3	2								3	3	3				
17	003347	Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp	3	45				2				4					5					4		5		
18	000837	Hành vi tổ chức (*)	2	30			3								3								3			
19	000384	Đạo đức nghề nghiệp kế toán - kiểm toán (*)	2	30			2			2			2			5					4				4	5
20	003105	Thương mại điện tử (*)	2	30		2	2	3																	2	2
21	001958	Phân tích báo cáo tài chính (*)	2	30		1					1	3	2	3							3	3				
22	002674	Thực hành kê khai và quyết toán thuế (*)	2	30				2			2			3							4	2				
23	002347	Tài chính quốc tế (0*)	2	30		2				2		2	3									2				
24	00962	Hệ thống thông tin quản lý (0*)	2	30		2		2		2						5		4			3					

TT	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	KIẾN THỨC								KỸ NĂNG									TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM			
						K1	K2	K3	K4	K5	K6	K7	K8	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	KN8	KN9	TC1	TC2	TC3	TC4
						1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
25	002526	Thị trường tài chính (0*)	2	30		2				2		2						2								
26	001671	Marketing căn bản (0*)	2	30				2		3		4		4			3									
27	001981	Phân tích thâm định dự án (0*)	2	30		2								1				2					5	5		4
28		Tiếng Anh chuyên ngành nâng cao (0*)	2	30															2				5			5
29	001130	Kiểm soát quản lý (0*)	2	30					2				2	2							3					
30	001150	Kiểm toán nội bộ(0*)	2	30					2				2					2								4
CHUYÊN NGÀNH																										
KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP																										
1	001006	Kế toán các ngành kinh doanh đặc biệt	2	30						2			2	1												4
2	001015	Kế toán công	2	30						1	2	4										2				5
3	001155	Kiểm toán tài chính	2	30					2							5									4	
4	001038	Kế toán ngân hàng	2	30							1					1				2						1
5	002678	Thực hành kế toán doanh	4		60															3		2	5	5		

TT	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	KIẾN THỨC								KỸ NĂNG									TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM			
						K1	K2	K3	K4	K5	K6	K7	K8	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	KN8	KN9	TC1	TC2	TC3	TC4
						1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
		ngành																								
KẾ TOÁN VÀ KIỂM SOÁT																										
1	001048	Kế toán quản trị chuyên sâu	2	30						2			4								3	2				3
2	001150	Kiểm soát nội bộ	2	30					2				4		2						5					
3	002106	Quản trị chiến lược	2	30			2		2								2			2					2	2
4	002268	Quản trị rủi ro	2	30						2			3	3							5	2		5		
5	002676	Thực hành kế toán và kiểm soát	4		60															3		2	5	5		
6	003029	Thực tập tốt nghiệp	4											1				2				4				4
7	003798	Khoá luận tốt nghiệp	10											1				2				4	5			4

** Ghi chú: Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình*

8. Cấu tạo chương trình

Khối kiến thức			Tín chỉ (TC)		Tỷ lệ %
			Bắt buộc	Tự chọn	
Giáo dục đại cương	Khoa học Mác Lênin		11		8
	Toán - Tin - Khoa học tự nhiên		9		7
	Khối kiến thức Khoa học Xã hội và nhân văn		5		4
	Ngoại ngữ		7		5
	Giáo dục thể chất		Chứng chỉ		
	Giáo dục Quốc phòng - An ninh		Chứng chỉ		
Giáo dục chuyên nghiệp	Cơ sở ngành		18		14
	Ngành bắt buộc		45		34
	Ngành tự chọn			10	8
	Chuyên ngành bắt buộc	Kế toán doanh nghiệp	12		9
		Kế toán và kiểm soát	12		9
	Thực tập tốt nghiệp		4		3
	Thi tốt nghiệp thực hành		0		0
	Thi tốt nghiệp Mác Lênin		0		0
	Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp		10		8
			121	10	100%
			131		

9. Kế hoạch học tập dự kiến

9.1. Kế hoạch học tập dự kiến chuyên ngành kế toán doanh nghiệp

T T	Học kỳ	MMH	Tên môn học	TC	LT	TH	MH tiên quyết	Khối kiến thức	Hình thức thi	Quy ước điểm	Khoa QL
1	1	003923	Triết học Mác Lênin	3	45			GDDC	Tiểu luận	3	KHCT
2	2	003925	Kinh tế Chính trị Mác Lênin	2	30			GDDC	Tiểu luận	2	KHCT
3	3	003926	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	30			GDDC	Tiểu luận	2	KHCT
4	4	003505	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			GDDC	Tiểu luận	2	KHCT
5	5	003928	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30			GDDC	Tiểu luận	2	KHCT
6	1	003137	Tiếng Anh 1	4	60			GDDC	Trắc nghiệm	4	NN
7	2	003144	Tiếng Anh 2	3	45			GDDC	Trắc nghiệm	3	NN
8	2	000801	Giáo dục thể chất	4	60			GDDC	Thực hành	4	GDTC
9	2	000785	Giáo dục quốc phòng	11	165			GDDC	Tự luận	11	GDTC
10	1	003360	Toán cao cấp 1	2	30			GDDC	Tự luận	2	KHTN
11	1	003366	Toán cao cấp 2	2	30			GDDC	Tự luận	2	KHTN
12	2	003657	Xác suất thống kê	2	30			GDDC	Tự luận	2	KHTN
13	1	001893	Nhập môn tin học	3	45			GDDC	Thực hành	3	CNTT
14	1	002018	Pháp luật đại cương	2	30			GDDC	Trắc nghiệm	2	KHCT
15	3	002244	Quản trị học	3	45		001216 001223	GDDC	Trắc nghiệm	3	KTQL

T T	Học kỳ	MMH	Tên môn học	TC	LT	TH	MH tiên quyết	Khối kiến thức	Hình thức thi	Quy ước điểm	Khoa QL
16	1	001216	Kinh tế vi mô	3	45			CSN	Trắc nghiệm	3	KTQL
17	3	001223	Kinh tế vĩ mô	2	2		001216	CSN	Trắc nghiệm	2	KTQL
18	3	002354	Tài chính-tiền tệ	2	30		001216	CSN	Trắc nghiệm	2	KTQL
19	4	001852	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	45		003657	CSN	Trắc nghiệm	3	KTQL
20	3	001506	Luật kinh tế	2	30			CSN	Trắc nghiệm	2	KHCT
21	4	002078	Phương pháp tối ưu trong kinh tế	3	45			CSN	Tự luận	3	KTQL
22	3	001838	Nguyên lý kế toán	3	45		001216	CSN	Trắc nghiệm	3	KTQL
23	4	001067	Kế toán tài chính 1	3	45		001838	N	Tự luận	3	KTQL
24	5	001071	Kế toán tài chính 2	3	45		001067	N	Tự luận	3	KTQL
25	5	001044	Kế toán quản trị	2	30		001067 001071	N	Tự luận	2	KTQL
26	7	001054	Kế toán quốc tế	3	45		003212 001838	N	Trắc nghiệm	3	KTQL
27	4	001013	Kế toán chi phí	2	30		001838	N	Trắc nghiệm	2	KTQL
28	6	001575	Lý thuyết Kiểm toán	2	30		001067	N	Trắc nghiệm	2	KTQL
29	5	000953	Hệ thống thông tin kế toán	2	30		001067 001071	N	Thực hành	2	KTQL
30	4	003212	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán	3	45		003144 001838	N	Tự luận	3	KTQL
31	6	001967	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	45		001838	N	Tự luận	3	KTQL

T T	Học kỳ	MMH	Tên môn học	TC	LT	TH	MH tiên quyết	Khối kiến thức	Hình thức thi	Quy ước điểm	Khoa QL
32	4	002208	Quản lý tài chính	3	45		002354	N	Trắc nghiệm	3	KTQL
33	5	003093	Thuế và hệ thống thuế Việt Nam	3	45		001223	N	Trắc nghiệm	3	KTQL
34	7	002059	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30		001852	N	Tự luận	2	KTQL
35	3	003773	Kinh tế lượng	3	45			N	Trắc nghiệm	3	QLCNNL
36	5	003786	Tin học ứng dụng trong quản lý kinh tế	2	30		001893	N	Thực hành	2	KTQL
37	6	002176	Quản lý nhân lực	3	45		002244	N	Trắc nghiệm	3	KTQL
38	5	002338	Tài chính doanh nghiệp	3	45		002208	N	Tự luận	3	KTQL
39	6	003347	Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp	3	45		001071	N	Thực hành	3	KTQL
40	7	000837	Hành vi tổ chức (*)	2	30		002244	NTC	Trắc nghiệm	2	KTQL
41	7	000384	Đạo đức nghề nghiệp kế toán - kiểm toán (*)	2	30		001575 001155	NTC	Tự luận	2	KTQL
42	7	003105	Thương mại điện tử (*)	2	30		001671	NTC	Trắc nghiệm	2	KTQL
43	6	001958	Phân tích báo cáo tài chính (*)	2	30		002343	NTC	Tiểu luận	2	KTQL
44	6	002674	Thực hành kê khai và quyết toán thuế (*)	2	30		003093	NTC	Thực hành	2	KTQL
45		002347	Tài chính quốc tế (0*)	2	30		002208	NTC	Trắc nghiệm	2	KTQL
46		00962	Hệ thống thông tin quản lý (0*)	2	30		001893	NTC	Tự luận	2	KTQL
47		002526	Thị trường tài chính (0*)	2	30		002354	NTC	Trắc nghiệm	2	KTQL

T T	Học kỳ	MMH	Tên môn học	TC	LT	TH	MH tiên quyết	Khối kiến thức	Hình thức thi	Quy ước điểm	Khoa QL
48		001671	Marketing căn bản (0*)	2	30		001216	NTC	Trắc nghiệm	2	KTQL
49		001981	Phân tích thẩm định dự án (0*)	2	30		002208	NTC	Tự luận	2	KTQL
50		003215	Tiếng Anh chuyên ngành nâng kế toán cao (0*)	2	30		003212	NTC	Tự luận	2	KTQL
51		001130	Kiểm soát quản lý (0*)	2	30		001575	NTC	Tự luận	2	KTQL
52		001150	Kiểm toán nội bộ(0*)	2	30		001155	NTC	Trắc nghiệm	2	KTQL
53	6	001006	Kế toán các ngành kinh doanh đặc biệt	2	30		001838	CN	Tự luận	2	KTQL
54	7	001015	Kế toán công	2	30		001838 001067	CN	Tự luận	2	KTQL
55	7	001155	Kiểm toán tài chính	2	30		001575	CN	Trắc nghiệm	2	KTQL
56	6	001038	Kế toán ngân hàng	2	30		001838	CN	Tự luận	2	KTQL
57	7	002690	Thực hành môn học kế toán doanh nghiệp	4		60	003347 002674	CN	BC CĐ	4	KTQL
58	8	003029	Thực tập tốt nghiệp	4				CN	BC CĐ		KTQL
59	8	003798	Khoá luận tốt nghiệp	10				CN	BC CĐ		KTQL
			Cộng	131	1695	60					

9.2 Kế hoạch học tập dự kiến chuyên ngành kế toán và kiểm soát

TT	Học kỳ	MMH	Tên môn học	TC	LT	TH	MH tiên quyết	Khối kiến thức	Hình thức thi	Quy ước điểm	Khoa QL
-----------	-------------------	------------	--------------------	-----------	-----------	-----------	--------------------------	---------------------------	--------------------------	-------------------------	----------------

TT	Học kỳ	MMH	Tên môn học	TC	LT	TH	MH tiên quyết	Khối kiến thức	Hình thức thi	Quy ước điểm	Khoa QL
1	1	003923	Triết học Mác Lênin	3	45			GDDC	Tiểu luận	3	KHCT
2	2	003925	Kinh tế Chính trị Mác Lênin	2	30			GDDC	Tiểu luận	2	KHCT
3	3	003926	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	30			GDDC	Tiểu luận	2	KHCT
4	4	003505	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			GDDC	Tiểu luận	2	KHCT
5	5	003928	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30			GDDC	Tiểu luận	2	KHCT
6	1	003137	Tiếng Anh 1	4	60			GDDC	Trắc nghiệm	4	NN
7	2	003144	Tiếng Anh 2	3	45			GDDC	Trắc nghiệm	3	NN
8	2	000801	Giáo dục thể chất	4	60			CC	Thực hành	4	GDTC
9	2	000785	Giáo dục quốc phòng	11	165			CC	Tự luận	11	GDTC
10	1	003360	Toán cao cấp 1	2	30			GDDC	Tự luận	2	KHTN
11	1	003366	Toán cao cấp 2	2	30			GDDC	Tự luận	2	KHTN
12	2	003657	Xác suất thống kê	2	30			GDDC	Tự luận	2	KHTN
13	1	001893	Nhập môn tin học	3	45			GDDC	Thực hành	3	CNTT
14	1	002018	Pháp luật đại cương	2	30			GDDC	Trắc nghiệm	2	KHCT
15	3	002244	Quản trị học	3	45		001216 001223	GDDC	Trắc nghiệm	3	KTQL
16	1	001216	Kinh tế vi mô	3	45			CSN	Trắc nghiệm	3	KTQL
17	3	001223	Kinh tế vĩ mô	2	30		001216	CSN	Trắc nghiệm	2	KTQL
18	2	002354	Tài chính-tiền tệ	2	30		001216	CSN	Trắc nghiệm	2	KTQL
19	4	001852	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	45		003657	CSN	Trắc nghiệm	3	KTQL
20	3	001506	Luật kinh tế	2	30			CSN	Trắc nghiệm	2	KHCT
21	4	002078	Phương pháp tối ưu trong kinh tế	3	45			CSN	Tự luận	3	KTQL
22	3	001838	Nguyên lý kế toán	3	45		001216	CSN	Trắc nghiệm	3	KTQL
23	4	001067	Kế toán tài chính 1	3	45		001838	N	Tự luận	3	KTQL
24	5	001071	Kế toán tài chính 2	3	45		001067	N	Tự luận	3	KTQL

TT	Học kỳ	MMH	Tên môn học	TC	LT	TH	MH tiên quyết	Khối kiến thức	Hình thức thi	Quy ước điểm	Khoa QL
25	5	001044	Kế toán quản trị	2	30		001067 001071	N	Tự luận	2	KTQL
26	7	001054	Kế toán quốc tế	3	45		003212 001838	N	Trắc nghiệm	3	KTQL
27	4	001013	Kế toán chi phí	2	30		001838	N	Trắc nghiệm	2	KTQL
28	6	001575	Lý thuyết Kiểm toán	2	30		001067	N	Trắc nghiệm	2	KTQL
29	5	000953	Hệ thống thông tin kế toán	2	30		001067 001071	N	Thực hành	2	KTQL
30	4	003212	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán	3	45		003144 001838	N	Tự luận	3	KTQL
31	6	001967	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	45		001838	N	Tự luận	3	KTQL
32	4	002208	Quản lý tài chính	3	45		002354	N	Trắc nghiệm	3	KTQL
33	5	003093	Thuế và hệ thống thuế Việt Nam	3	45		001223	N	Trắc nghiệm	3	KTQL
34	7	002059	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30		001852	N	Tự luận	2	KTQL
35	3	003773	Kinh tế lượng	3	45			N	Trắc nghiệm	3	QLCNNL
36	5	003786	Tin học ứng dụng trong quản lý kinh tế	2	30		001893	N	Thực hành	2	KTQL
37	6	002176	Quản lý nhân lực	3	45		002244	N	Trắc nghiệm	3	KTQL
38	5	002338	Tài chính doanh nghiệp	3	45		002208	N	Tự luận	3	KTQL
39	6	003347	Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp	3	45		001071	N	Thực hành	3	KTQL
40	7	000837	Hành vi tổ chức (*)	2	30		002244	NTC	Trắc nghiệm	2	KTQL
41	7	000384	Đạo đức nghề nghiệp kế toán - kiểm toán (*)	2	30		001575 001155	NTC	Tự luận	2	KTQL
42	7	003105	Thương mại điện tử (*)	2	30		001671	NTC	Trắc nghiệm	2	KTQL

TT	Học kỳ	MMH	Tên môn học	TC	LT	TH	MH tiên quyết	Khối kiến thức	Hình thức thi	Quy ước điểm	Khoa QL
43	6	001958	Phân tích báo cáo tài chính (*)	2	30		002343	NTC	Tiểu luận	2	KTQL
44	6	002674	Thực hành kê khai và quyết toán thuế (*)	2	30		003093	NTC	Thực hành	2	KTQL
45		002347	Tài chính quốc tế (0*)	2	30		002208	NTC	Trắc nghiệm	2	KTQL
46		00962	Hệ thống thông tin quản lý (0*)	2	30		001893	NTC	Tự luận	2	KTQL
47		002526	Thị trường tài chính (0*)	2	30		002354	NTC	Trắc nghiệm	2	KTQL
48		001671	Marketing căn bản (0*)	2	30		001223	NTC	Trắc nghiệm	2	KTQL
49		001981	Phân tích thẩm định dự án (0*)	2	30		002208	NTC	Tự luận	2	KTQL
50		003215	Tiếng Anh chuyên ngành nâng kế toán cao (0*)	2	30		003212	NTC	Tự luận	2	KTQL
51		001130	Kiểm soát quản lý (0*)	2	30		001575	NTC	Tự luận	2	KTQL
52		001150	Kiểm toán nội bộ(0*)	2	30		001155	NTC	Trắc nghiệm	2	KTQL
53	6	001048	Kế toán quản trị chuyên sâu	2	30		001044	CN	Tự luận	2	KTQL
54	7	001129	Kiểm soát nội bộ	2	30		001044	CN	Trắc nghiệm	2	KTQL
55	7	002106	Quản lý chiến lược	2	30		002244	CN	Trắc nghiệm	2	KTQL
56	6	002268	Quản trị rủi ro	2	30		001048	CN	Tự luận	2	KTQL
57	7	002676	Thực hành kế toán và kiểm soát	4		60	001067 001071 001044	CN	BC CĐ	4	KTQL
58	8	003029	Thực tập tốt nghiệp	4				CN	BC CĐ		KTQL
59	8	003798	Khoá luận tốt nghiệp	10				CN	BC CĐ		KTQL
			Cộng	131	1695	60					

12. Mô tả các học phần

12.1. Triết học Mác Lênin

Mã môn học: 003923

TC: 3 TC

Học phần cung cấp những kiến thức nền tảng của Triết học Mác - Lênin: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội, Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Từ đó, giúp sinh viên có tư duy logic, phương pháp luận khoa học và cách mạng vận dụng một cách chủ động, sáng tạo kiến thức đã học để giải quyết các tình huống, vấn đề nảy sinh trong thực tiễn. Gồm phần thứ nhất có chương mở đầu và 3 chương bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan, phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác- Lênin. Từng bước xác lập thế giới quan.

12.2. Kinh tế chính trị Mác Lênin

Mã môn học: 003925

TC: 2 TC

Trang bị cho sinh viên những tri thức cốt lõi, cơ bản của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Trên cơ sở đó hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và hình thành ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin.

12.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Mã môn học: 003505

TC: 2 TC

Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học thuộc lĩnh vực Khoa học chính trị, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và cần thiết về chính trị - xã hội, văn hóa thời đại Hồ Chí Minh sống và thực hành đạo đức cách mạng. Từ đó, vận dụng vào xây dựng xã hội mới, con người mới văn minh, tiến bộ.

12.4. Lịch sử Đảng CS Việt Nam

Mã môn học: 000765

TC: 3TC

Thông qua các sự kiện và sự đúc kết kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao tư tưởng, lòng tự hào, niềm tin của sinh viên đối với sự lãnh đạo của Đảng trong lịch sử và hiện tại.

12.5. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Mã môn học: 003926

TC: 2TC

Học phần cung cấp những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin. Học phần gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu học phần.

12.6. Tiếng Anh 1

Mã môn học: 003137

TC: 4TC

Học phần tiếng Anh 1 là học phần đầu tiên trong chương trình đào tạo tiếng Anh dành cho tiếng Anh không chuyên bậc đại học. Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về cách phát âm, ngữ pháp, từ vựng có liên quan đến các chủ đề sức khỏe, giao thông và môi trường, v.v. Ngoài ra người học còn được thực hành 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong những tình huống đơn giản thuộc các chủ đề trên và làm bài tập trực tuyến. Kết thúc học phần, người học có đủ kiến thức và kỹ năng để tiếp tục học học phần tiếng Anh 2.

12.7. Tiếng Anh 2

Mã môn học: 003144

TC: 3TC

Học phần tiếng Anh 2 là học phần thứ hai trong chương trình đào tạo tiếng Anh dành cho tiếng Anh không chuyên bậc đại học. Học phần tiếp tục củng cố các kiến thức cũng như các kỹ năng đã học trong học phần tiếng Anh 1 và cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về cách phát âm, ngữ pháp, từ vựng có liên quan đến các chủ đề cuộc sống, công việc, công nghệ, ngôn ngữ và học ngôn ngữ v.v... Ngoài ra người học còn được thực hành 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong những tình huống đơn giản thuộc các chủ đề trên và làm bài tập

trực tuyến. Kết thúc học phần, người học có đủ kiến thức và kỹ năng để tiếp tục học học phần tiếng Anh chuyên ngành và các học phần nâng cao.

12.8. Giáo dục thể chất Mã môn học: 000801,000808,000813,000816 TC: 4TC

Thực hiện theo Quyết định số 1547/QĐ-ĐHDL ngày 04/9/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Điện lực về Chương trình môn học giáo dục thể chất dùng cho hệ đại học.

12.9. Giáo dục quốc phòng

Mã môn học: 000785, 000788, 000791, 003788 TC: 11TC

Thực hiện theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 của Bộ GD&ĐT về Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

12.10. Toán cao cấp 1 Mã môn học: 003360 TC: 2TC

Học phần giới thiệu cơ bản về đại số tuyến tính như: Không gian véc tơ, ma trận, hệ phương trình tuyến tính, định thức,... Môn học không đi sâu vào việc chứng minh các định lý mà chú trọng vào việc ứng dụng của ma trận và làm cơ sở cho các môn học khác.

12.11. Toán cao cấp 2 Mã môn học: 003366 TC: 2TC

Học phần bao gồm: Giới hạn hàm số, phép tính vi phân, tích phân hàm một biến, các phương pháp tính tích phân xác định, tích phân suy rộng hàm một biến số.

12.12. Xác suất thống kê Mã môn học: 003657 TC: 2TC

Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản về Lý thuyết xác suất: Các khái niệm và các định lý về xác suất và biến ngẫu nhiên một chiều. Phần lý thuyết về thông kê toán học gồm lý thuyết mẫu, ước lượng, kiểm định giả thiết thống kê.

12.13. Nhập môn tin học Mã môn học: 001893 TC: 3TC

Học phần nhập môn tin học gồm có 2 phần chính: Phần tin học cơ bản trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về máy tính, tư duy chung về thuật toán, các vấn đề cơ bản nhất của ngôn ngữ lập trình C như: cấu trúc chương trình C, các dạng cấu trúc điều khiển,...

12.14. Pháp luật đại cương Mã môn học: 002018 TC: 2TC

Học phần môn Pháp luật đại cương cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về pháp luật. Ngoài ra còn giáo dục ý thức pháp luật cho học sinh, sinh viên, để góp phần vào việc xây dựng ý thức sống và học tập theo Hiến pháp và pháp luật.

12.15. Quản trị học Mã môn học: 002244 TC: 3TC

Môn học này nhằm cung cấp những khái niệm chung về quản trị, các chức năng chính về quản trị như: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát các hoạt động đã đề ra nhằm đạt được mục tiêu chung của tổ chức. Công việc quản trị có thể được nhận thấy ở khắp mọi nơi, mọi lúc và trong mọi tình huống, ngành nghề - từ việc quản lý thời gian, công việc cho chính bản thân mình đến việc tổ chức, điều hành công việc cho một nhóm người và cao hơn là quản lý một tổ chức.

12.16. Kinh tế vi mô Mã môn học: 001216 TC: 3TC

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế học, thị trường, cung – cầu, lý thuyết người tiêu dùng, lý thuyết về sản xuất, cấu trúc thị trường, thị trường các yếu tố sản xuất, sự cân bằng và vai trò của chính phủ trong nền kinh tế.

12.17. Kinh tế vĩ mô Mã môn học: 001223 TC: 3 TC

Hiểu biết về các đối tượng trong nền kinh tế, luật cung cầu, lợi ích chi phối hành vi người tiêu dùng, quyết định của nhà sản xuất, đặc thù của từng loại cấu trúc thị trường, quyết

định về sử dụng nguồn lực của doanh nghiệp, những thất bại của thị trường và vai trò của Chính phủ.

12.18. Phương pháp tối ưu trong kinh tế **Mã môn học: 002078** **TC: 3 TC**

Giúp sinh viên nắm được và vận dụng kiến thức cơ bản về phương pháp tối ưu trong kinh tế quản lý. Trang bị cho sinh viên kỹ năng mô hình hóa và kỹ thuật giải bài toán tối ưu; trang bị các công cụ giúp người học giải các bài toán tối ưu. Có khả năng tự tìm hiểu, chủ động tìm hiểu và đánh giá cập nhật những công cụ xử lý, phương pháp tiên tiến, hiện đại về tối ưu hóa.

12.19. Nguyên lý kế toán **Mã môn học: 001838** **TC: 3 TC**

Học phần Nguyên lý kế toán là học phần cơ sở cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các nguyên lý kế toán chung, các phương pháp kế toán và vận dụng trong công tác kế toán doanh nghiệp.

12.20. Kế toán tài chính 1 **Mã môn học: 001067** **TC: 3 TC**

Học phần Kế toán tài chính 1 trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán tài chính trong doanh nghiệp. Giúp cho người học hiểu được : « kế toán là quá trình thu thập, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế-tài chính của đơn vị » dựa trên các nguyên tắc nhất định. Sau khi học xong học phần Kế toán tài chính 1, người học có thể hiểu, vận dụng các nguyên tắc kế toán vào một số phần hành kế toán cơ bản như : kế toán hàng tồn kho, kế toán tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán vốn bằng tiền và thanh toán, đồng thời môn học này còn kết nối kiến thức với các môn học khác.

12.21. Kế toán tài chính 2 **Mã môn học: 001071** **TC: 3 TC**

Học phần Kế toán tài chính 2 trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán tài chính trong doanh nghiệp. Giúp cho người học hiểu, vận dụng các nguyên tắc kế toán vào các phần hành kế toán như: phần hành kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản xuất sản phẩm, phần hành kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh, phần hành kế toán nợ phải trả và vốn chủ sở hữu. Sau khi học xong phần hành này, người học biết các lập, đọc hiểu báo cáo tài chính cơ bản, đồng thời môn học này còn kết nối kiến thức với các môn học khác.

12.22. Kế toán quốc tế **Mã môn học: 001056** **TC: 3 TC**

Học phần này trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về: Các nguyên tắc kế toán được thừa nhận, chuẩn mực kế toán quốc tế IAS, chuẩn mực lập báo cáo tài chính quốc tế IFRSs từ đó sinh viên có thể áp dụng trong việc giải quyết các tình huống kế toán, lập và trình báo cáo tài chính.

12.23. Kế toán chi phí **Mã môn học: 001013** **TC: 2 TC**

Sau khi học xong học phần Kế toán chi phí, học phần sẽ trang bị cho sinh viên những hiểu biết về kế toán quản lý chi phí và tính giá thành sản phẩm, dịch vụ tại doanh nghiệp; có kỹ năng khả năng tổ chức công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại một doanh nghiệp cụ thể; tăng cường nhận thức được mối liên hệ giữa kế toán chi phí với các môn kế toán khác và có cơ sở để tiếp tục nghiên cứu học phần kế toán quản trị.

12.24. Lý thuyết kiểm toán **Mã môn học: 001575** **TC: 2 TC**

Học phần Lý thuyết kiểm toán cung cấp những kiến thức chuyên sâu về kiểm toán; có kỹ năng phân tích, đánh giá các hoạt động tài chính của doanh nghiệp; có được thái độ ham học hỏi, cập nhật kiến thức, thận trọng trong công việc.

12.25. Hệ thống thông tin kế toán **Mã môn học: 000953** **TC: 2 TC**

Học phần Hệ thống thông tin kế toán sẽ trang bị những kiến thức giúp sinh viên biết xử lý số liệu đầu vào để ghi sổ và lập báo cáo kế toán trên Excel; nắm bắt nguyên lý để xử lý số liệu đầu vào, phân loại và tra cứu thông tin kế toán trên một phần mềm kế toán làm cơ sở cho công việc thực tế

12.26. Tiếng anh chuyên ngành kế toán **Mã môn học: 003212** **TC: 3 TC**

Học phần Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán sẽ giúp sinh viên có khả năng hiểu và vận dụng được tiếng Anh chuyên ngành để phục vụ cho việc đọc hiểu các tài liệu, bài báo chuyên ngành, tìm kiếm thông tin liên quan phục vụ cho việc học chuyên ngành. Bên cạnh đó, các kỹ năng trong giao tiếp kinh doanh thông thường như thuyết trình, phỏng vấn, miêu tả biểu đồ hay viết báo cáo cũng được chú trọng nâng cao cho sinh viên.

12.27. Phân tích hoạt động kinh doanh **Mã môn học: 001967** **TC: 3 TC**

Cung cấp kiến thức về phân tích hoạt động kinh doanh, trang bị cho người học kiến thức tổng hợp về phân tích ngành, phân tích chiến lược cạnh tranh nhằm xác định các nhân tố chủ yếu tạo ra lợi nhuận và dẫn đến rủi ro kinh doanh. Ngoài ra giúp sinh viên nắm được cách nhìn nhận tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

12.28. Quản lý tài chính **Mã môn học: 002208** **TC: 3 TC**

Học phần Quản lý tài chính là học phần cơ sở cung cấp cho người học những kiến thức căn bản về quản lý tài chính trong doanh nghiệp nói chung, vận dụng hiểu biết để đưa ra quyết định tài chính đúng đắn, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp và đảm bảo an toàn về mặt tài chính.

12.29. Thuế và hệ thống thuế Việt Nam **Mã môn học: 003093** **TC: 3 TC**

Học phần này giới thiệu cho sinh viên hệ thống thuế của Việt Nam; trình bày những kiến thức cơ bản về thuế trên góc độ lý thuyết (kinh tế, chính trị và pháp lý), hướng dẫn sinh viên phương pháp tính thuế và thảo luận các vấn đề liên quan đến thuế đối với cá nhân, doanh nghiệp và xã hội.

12.30. Phương pháp nghiên cứu khoa học **Mã môn học: 000838** **TC: 2 TC**

Cung cấp các kiến thức về cơ sở lý luận của nghiên cứu khoa học, các phương pháp sử dụng và các bước thực hiện trong công tác nghiên cứu khoa học.

12.31. Tin học ứng dụng trong quản lý kinh tế **Mã môn học: 003786** **TC: 2 TC**

Giúp sinh viên nắm được và vận dụng kiến thức cơ bản về excel và ứng dụng của excel trong lĩnh vực kinh tế quản lý. Trang bị cho sinh viên kỹ năng sử dụng excel, vận dụng excel vào trong hoạt động kinh tế quản lý của doanh nghiệp. Có khả năng tự tìm hiểu, chủ động tìm hiểu và đánh giá cập nhật những công cụ xử lý, tính năng mới của excel.

12.32. Quản lý nhân lực **Mã môn học: 002176** **TC: 3TC**

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng, thách thức và các hoạt động của quản lý nguồn nhân lực ví dụ như hoạch định nguồn nhân lực trong doanh nghiệp, tuyển dụng và lựa chọn nhân lực quan hệ lao động và cách quản lý xung đột trong tổ chức.....Người học có thể lên kế hoạch nguồn nhân lực, xây dựng thiết kế hệ thống thông tin nguồn nhân lực, ứng dụng của hệ thống thông tin nguồn nhân lực trong quản lý nguồn nhân lực.

12.33. Tài chính doanh nghiệp nâng cao **Mã môn học: 002338** **TC: 3 TC**

Học phần Tài chính doanh nghiệp 1 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài chính doanh nghiệp để có thể vận dụng nhằm giải quyết các vấn đề tài chính doanh nghiệp như quản lý thu chi, huy động vốn, sử dụng vốn như nào có hiệu quả cao nhất; Sử dụng các chính sách phân phối lợi nhuận, phân phối cổ tức để mang lại hiệu quả cao nhất cho công ty.

12.34. Tổ chức công tác kế toán

Mã môn học: 003347

TC: 3TC

Học phần Tổ chức công tác kế toán cung cấp cho sinh viên quy trình tổ chức công tác kế toán theo giai đoạn, theo phân hành kế toán, tổ chức bộ máy kế toán giúp sinh viên có khả năng tổ chức hệ thống kế toán tại cơ sở: Tổ chức hình thức ghi sổ, lập báo cáo, phân công công việc trong bộ máy kế toán.

12.35. Hành vi tổ chức

Mã môn học: 000837

TC: 2TC

Cung cấp các kiến thức về hành vi cá nhân, hành vi nhóm và hành vi tổ chức. Sinh viên có thể nhận thấy và đánh giá các vấn đề phát sinh liên quan tới hành vi tổ chức, giao tiếp, cơ cấu, văn hóa của tổ chức.

12.36. Đạo đức nghề nghiệp kế toán – Kiểm toán Mã môn học: 000384 TC: 2TC

Học phần Đạo đức nghề nghiệp kế toán - kiểm toán trang bị cho người học các quan niệm về đạo đức và các hướng tiếp cận đạo đức dựa trên nguyên tắc, quy định, từ đó, định hướng cho người học xác định được hướng tiếp cận đạo đức phù hợp của một kế toán, kiểm toán viên chuyên nghiệp. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp các học thuyết phát triển đạo đức và giúp người học ứng dụng mô hình ra quyết định liên quan đến đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động thực tiễn tại doanh nghiệp. Học phần còn trang bị cho người học trình tự xử lý các vấn đề đạo đức, từ nhận diện bản chất vấn đề đạo đức, xác định các nguyên tắc đạo đức cơ bản bị đe dọa và mức độ nghiêm trọng của mối đe dọa đến đề xuất các biện pháp bảo vệ khỏi các mối đe dọa đó. Ngoài ra, các nội dung về trách nhiệm xã hội nhằm định hướng tư duy sáng tạo của người học trong việc giải quyết các vấn đề thực tiễn của doanh nghiệp liên quan đến đạo đức.

12.37. Thương mại điện tử

Mã môn học: 003105

TC: 2TC

Thương mại điện tử là hình thức mua bán hàng hóa và dịch vụ thông qua mạng máy tính toàn cầu. Thương mại điện tử đang trở thành phương thức kinh doanh mang lại nhiều lợi ích cho nhân loại trên cơ sở phát triển nhanh chóng của các ngành công nghệ, trước hết là công nghệ thông tin. Học phần thương mại điện tử sẽ giúp người học nắm bắt được mối liên hệ giữa thương mại điện tử với các hoạt động tài chính ngân hàng, hiểu được bản chất và cách thức ứng dụng dụng thương mại điện tử tại các doanh nghiệp đặc biệt trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

12.38. Thực hành kê khai và quyết toán thuế

Mã môn học: 002674

TC: 2 TC

Học phần này giới thiệu cho sinh viên quy định hiện hành về kê khai và quyết toán thuế. Bên cạnh đó, học phần hướng dẫn sinh viên làm quen với phần mềm hỗ trợ kê khai thuế, kê khai thuế online, nộp tờ khai thuế, nộp thuế trực tuyến. Sinh viên trực tiếp thực hành kê khai các loại thuế cơ bản như thuế môn bài, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân trên máy tính cá nhân của mình.

12.39. Tài chính quốc tế

Mã môn học: 002347

TC: 2TC

Học phần Tài chính quốc tế trang bị những kiến thức cơ bản liên quan đến tài chính quốc tế, kinh doanh ngoại tệ, đầu tư quốc tế, cho vay và quản lý nợ quốc tế tại các tổ chức tài chính. Nghiên cứu những mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau trong lĩnh vực tiền tệ và

chính sách kinh tế vĩ mô giữa các quốc gia. Đồng thời, học phần cung cấp những kỹ năng cơ bản về quản trị tài chính tại các doanh nghiệp, tại các công ty đa quốc gia, các công ty xuất nhập khẩu, từ đó có thể giải quyết các vấn đề thực tiễn tại các doanh nghiệp, các tổ chức tài chính,....

12.40. Hệ thống thông tin quản lý

Mã môn học: 000962

TC: 2 TC

- Về kiến thức: Có kiến thức cơ bản về khoa học kinh tế và ra quyết định; có kiến thức chuyên sâu và cập nhật về hệ thống thông tin quản lý: lập kế hoạch, phát triển, khai thác, bảo trì các hệ thống thông tin và quản trị các nguồn lực thông tin trong tổ chức.

- Về kỹ năng: Có kỹ năng làm việc thành thạo và phù hợp với yêu cầu của tình hình thời đại thông tin trên thực tế; Có kỹ năng làm việc nhóm tốt, có khả năng làm việc và nghiên cứu độc lập.

12.41. Thị trường tài chính

Mã môn học: 002526

TC: 2TC

Học phần Thị trường tài chính cung cấp các vấn đề lý luận cơ bản về thị trường tài chính: thị trường tiền tệ và thị trường vốn. Đặc biệt đi sâu vào một loại thị trường của thị trường vốn: thị trường chứng khoán. Đồng thời, học phần trang bị cho sinh viên các nguyên tắc tổ chức, các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán trên thị trường chứng khoán.

12.42. Marketing cơ bản

Mã môn học: 001671

TC: 2 TC

Học phần cung cấp những khái niệm chung về khách hàng, thị trường, sản phẩm, kênh phân phối, giá và các hoạt động xúc tiến hỗn hợp marketing mix nhằm đáp ứng yêu cầu kinh doanh có hiệu quả của doanh nghiệp trong việc thực hiện các công việc liên quan hoạt động Marketing.

12.43. Phân tích thẩm định dự án

Mã môn học: 001981

TC: 2 TC

Giúp sinh viên nắm được và vận dụng kiến thức cơ bản về dự án, đặc biệt phân tích & thẩm định các dự án đầu tư quan trọng. Trang bị cho sinh viên kỹ năng phân tích và đánh giá, lựa chọn dự án đầu tư. Có khả năng tự tìm hiểu, chủ động tìm hiểu và đánh giá cập nhật những quy định về phân tích & quản lý dự án đầu tư xây dựng.

12.44. Tiếng anh chuyên ngành nâng cao

Mã môn học: 003215

TC: 2 TC

Học phần Tiếng Anh chuyên ngành nâng cao sẽ giúp sinh viên có khả năng hiểu và vận dụng được tiếng Anh chuyên ngành để phục vụ cho việc đọc hiểu các tài liệu, bài báo chuyên ngành, tìm kiếm thông tin liên quan phục vụ cho việc học chuyên ngành. Bên cạnh đó, các kỹ năng trong giao tiếp kinh doanh thông thường như thuyết trình, phỏng vấn, miêu tả biểu đồ hay viết báo cáo cũng được chú trọng nâng cao cho sinh viên.

12.45. Kiểm soát quản lý

Mã môn học: 001130

TC: 2TC

Học phần Kiểm soát quản lý trang bị cho người học tổng quan về kiểm soát quản lý, kiểm soát kết quả tài chính và hệ thống đánh giá, kiểm soát nội bộ và những vấn đề liên quan đến doanh nghiệp, các vấn đề quản trị doanh nghiệp được gắn với vai trò kiểm soát và cách thức đo lường, đánh giá.

12.46. Kiểm toán nội bộ

Mã môn học: 001150

TC: 2 TC

Học phần Kiểm toán nội bộ trang bị cho người học các khái niệm cơ bản về kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, từ đó tổ chức kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp. Ngoài ra, học phần này còn tìm hiểu các lĩnh vực của kiểm toán nội bộ.

12.47. Kế toán các ngành kinh doanh đặc biệt

Mã môn học: 001006

TC: 2TC

Học phần Kế toán các ngành kinh doanh đặc biệt trang bị cho người học đặc điểm và cách hạch toán kế toán các ngành kinh doanh mang tính đặc thù trong nền kinh tế như

doanh nghiệp trong lĩnh vực thương mại; Xuất nhập khẩu; Vận tải; dịch vụ du lịch, lữ hành và nhà hàng; Xây lắp; Ngành điện.

12.48. Kế toán công

Mã môn học: 001015 TC: 2 TC

Học phần Kế toán Công trang bị những kiến thức cơ bản về kế toán trong các đơn vị công; giúp người học có thể vận dụng vào thực tiễn để tổ chức công tác kế toán, sử dụng các thông tin kế toán cho việc quản lý các tổ chức đơn vị. Sau khi học xong học phần Kế toán công, sinh viên sẽ có được những kiến thức cơ bản về: Tổ chức các phần hành kế toán trong đơn vị công, phân tích nguồn thu – chi tại đơn vị, từ đó đọc hiểu các Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán kinh phí của đơn vị công.

12.49. Kiểm soát nội bộ

Mã môn học: 001129 TC: 2 TC

Học phần Kiểm soát nội bộ cung cấp những kiến thức cơ bản về kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp; có kỹ năng phát hiện các gian lận và đưa ra các biện pháp xử lý, giảm thiểu rủi ro trong doanh nghiệp; có được thái độ thận trọng trong công việc

12.50. Kiểm toán tài chính

Mã môn học: 001155 TC: 3 TC

Học phần Kiểm toán tài chính cung cấp những kiến thức về quy trình, thủ tục kiểm toán báo cáo tài chính; có kỹ năng trong kiểm toán báo cáo tài chính; có cái nhìn tổng quan về công tác kiểm toán báo cáo tài chính tại doanh nghiệp.

12.51. Kế toán ngân hàng

Mã môn học: 001038 TC: 2 TC

Học phần Kế toán Ngân hàng trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản báo cáo tài chính trong ngân hàng, các nghiệp vụ chính trong ngân hàng như nghiệp vụ huy động vốn, nghiệp vụ tín dụng, nghiệp vụ thanh toán. Phương pháp kế toán trong ngân hàng, hệ thống các chứng từ kế toán có liên quan đến các nghiệp vụ trên.

12.52. Thực hành kế toán doanh nghiệp

Mã môn học: 002678 TC: 4TC

Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản về: Lập và quản lý chứng từ; Lập sổ kế toán; Lập Báo cáo tài chính; Kế khai và quyết toán thuế; Phân tích báo cáo tài chính. Thời gian thực hành 4 tuần, sinh viên được cung cấp tư liệu, phân nhóm 5-6 sinh viên/nhóm thực hiện thực hành kế toán, thuế, phân tích trên Excel và phần mềm.

12.53. Quản trị chiến lược

Mã môn học: 002106 TC: 2TC

Cung cấp các kiến thức cơ bản về hoạch định chiến lược như nhiệm vụ chiến lược, phân tích môi trường kinh doanh, đánh giá năng lực của doanh nghiệp, các mô hình phân tích chiến lược, xây dựng các cấp chiến lược của doanh nghiệp, các biện pháp thực hiện đánh giá và điều chỉnh chiến lược.

12.54. Kinh tế vĩ mô

Mã môn học: 001223

TC: 2 TC

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về kinh tế học vĩ mô, bao gồm những kiến thức về tổng sản phẩm và thu nhập quốc dân, tổng cầu và chính sách tài khoá, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tổng cung và chu kỳ kinh doanh, thất nghiệp và lạm phát, điều tiết kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở.

12.55. Tài chính – tiền tệ

Mã môn học: 002304

TC: 2 TC

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức và công cụ cơ bản để phân tích và giải thích các hiện tượng kinh tế có liên quan đến lĩnh vực tài chính - tiền tệ như: đại cương về tài chính, tiền tệ; tổng quan về hệ thống tài chính; những nội dung của tài chính trong doanh nghiệp; một số vấn đề về lãi suất; tổng quan chung về các tổ chức tài chính trung gian (ngân hàng, tổ chức tín dụng), ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ quốc gia; các vấn đề cơ bản về thị trường tài chính và vấn đề lạm phát tiền tệ.

12.56. Nguyên lý thống kê kinh tế**Mã môn học: 001852****TC: 3 TC**

Học phần cung cấp cho sinh viên các nội dung bao gồm: Các khái niệm và các phương pháp cơ bản phân tích và xử lý các số liệu thống kê kinh tế, các khái niệm về biến ngẫu nhiên và các quy luật phân phối xác suất thông dụng; các phương pháp lấy mẫu và các phân phối mẫu; ước lượng khoảng tin cậy và kiểm định các giả thuyết thống kê; các phương pháp phân tích phương sai và các phương pháp phân tích tương quan và hồi quy

12.57. Luật kinh tế**Mã môn học: 001506****TC: 2 TC**

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản của pháp luật thực định điều chỉnh các hoạt động kinh doanh hiện nay như về chủ thể kinh doanh, về hợp đồng, về cơ chế giải quyết tranh chấp và về vấn đề phá sản của chủ thể kinh doanh.

12.58. Kế toán quản trị**Mã môn học: 001044****TC: 2 TC**

Trang bị cho sinh viên nội dung: Những vấn đề chung về kế toán quản trị, phân tích sâu hơn về mối quan hệ CVP so với học phần Kế toán chi phí, phương pháp phân bổ chi phí

12.59. Kinh tế lượng**Mã môn học: 001195****TC: 3 TC**

Cung cấp những nội dung cơ bản của môn Xác suất thống kê, Kinh tế học đại cương, từ đó nghiên cứu bài toán ước lượng, kiểm định các tham số của mô hình hồi quy, xác định được mối quan hệ định lượng giữa các biến số kinh tế, thực hiện bài toán dự báo biến số kinh tế.

12.60. Phân tích báo cáo tài chính**Mã môn học: 001958****TC: 2 TC**

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và kỹ năng cơ bản về phân tích báo cáo tài chính, các phương pháp phân tích báo cáo tài chính, đánh giá được tiềm lực tài chính của doanh nghiệp, phục vụ cho công tác quản lý của chủ doanh nghiệp.

12.61. Kế toán quản trị chuyên sâu**Mã môn học: 001048****TC: 2TC**

Cung cấp các kiến thức, kỹ năng và công cụ tiên tiến trong lĩnh vực kế toán quản trị để phục vụ cho công tác kiểm soát và ra quyết định quản trị cũng như có khả năng thiết kế hệ thống thông tin kế toán quản trị phù hợp cho tổ chức.

12.62. Quản trị chiến lược**Mã môn học: 002106****TC: 2 TC**

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chiến lược, quản lý chiến lược, cách thức phân tích môi trường bên trong, bên ngoài, tạo dựng lợi thế cạnh tranh thông qua các chiến lược chức năng, phát triển công ty, thiết kế cấu trúc tổ chức và hệ thống kiểm soát trong tổ chức.

12.63. Quản trị rủi ro**Mã môn học: 002268****TC: 2 TC**

Cung cấp các kiến thức, kỹ năng và phương pháp đánh giá, đo lường và kiểm soát rủi ro trong công tác quản trị đồng thời có những ứng xử linh hoạt đối với các loại rủi ro nhằm đưa ra các giải pháp phù hợp nhất để bảo vệ giá trị của doanh nghiệp.

12.64. Thực hành kế toán và kiểm soát**Mã môn học: 002676****TC: 4 TC**

Trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản về kế toán quản trị trong tổ chức (thời gian thực hành 4 tuần)

12.65. Thực tập tốt nghiệp**Mã môn học: 003029****TC: 4 TC**

Thời gian thực tập 8 tuần, sinh viên lựa chọn đơn vị thực tập, đề tài thực tập và nhận giáo viên hướng dẫn. Tìm hiểu thực tế về kế toán, kiểm soát tại doanh nghiệp, các tổ chức,..

12.66. Khóa luận tốt nghiệp**Mã môn học: 003798****TC: 10TC**

Sinh viên lựa chọn đề tài và triển khai nội dung đề tài trên cơ sở số liệu thực tập tốt nghiệp và lý thuyết phù hợp.

13. Bảng kiểm đánh giá năng lực người học

- Bảng kiểm năng lực cần được đưa vào sử dụng để thực hiện đánh giá năng lực sinh viên tốt nghiệp.
- Bảng kiểm năng lực có thể được áp dụng tại các thời điểm khác nhau để đánh giá trong suốt quá trình theo học chương trình.
- Sinh viên năm thứ 3 trở đi có thể sử dụng Bảng kiểm để tự đánh giá mức độ tích lũy kiến thức, kỹ năng của mình, từ đó xây dựng kế hoạch cho giai đoạn còn lại để tại thời điểm tốt nghiệp có năng lực như kỳ vọng.
- Khoa có thể sử dụng kết quả đánh giá từ bảng kiểm năng lực để rà soát và điều chỉnh CTĐT cho phù hợp với CDR của chương trình và môn học đã tuyên bố và yêu cầu của người học và xã hội.

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ NGƯỜI HỌC
(4 cấp bậc đánh giá: 1. D-TB yếu; 2. C-TB khá; 3. B-Khá; 4. A-Giỏi)

(Cập nhật danh sách ND TB yếu, ND TB khá, ND TB giỏi, ND TB giỏi)																										
T T	Mã môn học	Tên môn học	T C	L T	T H	KIẾN THỨC								KỸ NĂNG									TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM			
						K1	K2	K3	K4	K5	K6	K7	K8	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	KN8	KN9	TC1	TC2	TC3	TC4
						1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG																										
1	003923	Triết học Mác Lênin	3	45			2																	2		
2	003925	Kinh tế Chính trị Mác Lênin	2	30			2																	2		
3	003926	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	30			2																	2		
4	003505	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			2																	2		
5	003928	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30			2																	2		
6	003137	Tiếng Anh 1	4	60														2								
7	003144	Tiếng Anh 2	3	45														2								
8	000801	Giáo dục thể chất	2	30																						
9	000785	Giáo dục quốc phòng	5	75																						
10	003360	Toán cao cấp 1	2	30		2																				

T T	Mã môn học	Tên môn học	T C	L T	T H	KIẾN THỨC								KỸ NĂNG									TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM			
						K1	K2	K3	K4	K5	K6	K7	K8	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	KN8	KN9	TC1	TC2	TC3	TC4
						1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
11	003366	Toán cao cấp2	2	30		2																				
12	003657	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	2	30		2																				
13	001893	Nhập môn tin học	3	45				2										2								
14	002018	Pháp luật đại cương	2	30					2							2									2	
15	002244	Quản trị học	3	45			3		2						2	2							2	3		
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP																										
CƠ SỞ NGÀNH																										
1	001216	Kinh tế vi mô	3	45		3	3		3	3				2												
2	001223	Kinh tế vĩ mô	2	30						3				2									3		2	
3	002354	Tài chính-tiền tệ	2	30		1	2				3	2								1	1					
4	001852	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	45				2	3					3				3		2			3			
5	001506	Luật kinh tế	2	30																						
6	002078	Phương pháp tối ưu trong	3	45																						

T T	Mã môn học	Tên môn học	T C	L T	T H	KIẾN THỨC								KỸ NĂNG									TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM			
						K1	K2	K3	K4	K5	K6	K7	K8	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	KN8	KN9	TC1	TC2	TC3	TC4
						1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
		kinh tế																								
7	001838	Nguyên lý kế toán	3	45							3	3			2										2	
NGÀNH																										
1	001067	Kế toán tài chính 1	3	45							2	2	2			3										3
2	001071	Kế toán tài chính 2	3	45							2	2	2			3										3
3	001044	Kế toán quản trị	2	30						2										3	3			3		
4	001056	Kế toán quốc tế	3	45			3						2	3												3
5	001013	Kế toán chi phí	2	30						2										2	3			4		
6	001575	Lý thuyết Kiểm toán	2	30					2							4									2	
7	000953	Hệ thống thông tin kế toán	2	30				2		2		4										4	3			
8	003212	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán	3	45															2				2			3
9	001967	Phân tích hoạt động kinh	3	45																						

T T	Mã môn học	Tên môn học	T C	L T	T H	KIẾN THỨC								KỸ NĂNG									TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM			
						K1	K2	K3	K4	K5	K6	K7	K8	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	KN8	KN9	TC1	TC2	TC3	TC4
						1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
		doanh																								
10	002208	Quản lý tài chính	3	45																						
11	003093	Thuế và hệ thống thuế Việt Nam	3	45							2			3		4		2			4		3			
12	002059	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30			2							3			2	2					3	3		
13	001195	Kinh tế lượng	3	45		2								1												
14	003304	Tin học ứng dụng trong Tài chính kế toán	2	30		2		2															3			
15	002176	Quản lý nhân lực	3	45			3			3							3									4
16	002338	Tài chính doanh nghiệp	3	45						1	3	2								3	3	3				
17	003347	Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp	3	45				2				4					3					4		2		
18	000837	Hành vi tổ chức (*)	2	30			3								3								3			

T T	Mã môn học	Tên môn học	T C	L T	T H	KIẾN THỨC								KỸ NĂNG									TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM			
						K1	K2	K3	K4	K5	K6	K7	K8	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	KN8	KN9	TC1	TC2	TC3	TC4
						1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
19	000384	Đạo đức nghề nghiệp kế toán - kiểm toán (*)	2	30			2			2			2			5					4				4	2
20	003105	Thương mại điện tử (*)	2	30		2	2	3																	2	2
21	001958	Phân tích báo cáo tài chính (*)	2	30		1					1	3	2	3							3	3				
22	002674	Thực hành kê khai và quyết toán thuế (*)	2	30				2			2			3							4	2				
23	002347	Tài chính quốc tế (0*)	2	30		2				2		2	3									2				
24	00962	Hệ thống thông tin quản lý (0*)	2	30		2		2		2						2		4			3					
25	002526	Thị trường tài chính (0*)	2	30		2				2		2						2								
26	001671	Marketin g căn bản (0*)	2	30				2		3		4		4			3									

T T	Mã môn học	Tên môn học	T C	L T	T H	KIẾN THỨC								KỸ NĂNG									TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM			
						K1	K2	K3	K4	K5	K6	K7	K8	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	KN8	KN9	TC1	TC2	TC3	TC4
						1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
27	001981	Phân tích thâm định dự án (0*)	2	30		2								1				2					3	2		4
28		Tiếng Anh chuyên ngành nâng cao (0*)	2	30															2				2			2
29	001130	Kiểm soát quản lý (0*)	2	30					2				2	2							3					
30	001150	Kiểm toán nội bộ(0*)	2	30					2				2					2								4
CHUYÊN NGÀNH																										
KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP																										
1	001006	Kế toán các ngành kinh doanh đặc biệt	2	30						2			2	1												4
2	001015	Kế toán công	2	30						1	2	4										2				2
3	001155	Kiểm toán tài chính	2	30					2							5									4	
4	001038	Kế toán ngân hàng	2	30							1					1				2						1

T T	Mã môn học	Tên môn học	T C	L T	T H	KIẾN THỨC								KỸ NĂNG									TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM			
						K1	K2	K3	K4	K5	K6	K7	K8	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	KN8	KN9	TC1	TC2	TC3	TC4
						1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
5	002678	Thực hành kế toán doanh nghiệp	4		6 0															3		2	2	2		

KẾ TOÁN VÀ KIỂM SOÁT

1	001048	Kế toán quản trị chuyên sâu	2	30					2			4							3	2					3
2	001150	Kiểm soát nội bộ	2	30				2			4		2					2							
3	002106	Quản trị chiến lược	2	30			2		2						2			2					2	2	
4	002268	Quản trị rủi ro	2	30		2			2			3	3						4	2		4			
5	002676	Thực hành kế toán và kiểm soát	4		60													3		2	2	2			
6	003029	Thực tập tốt nghiệp	4									4				4				4				4	
7	003798	Khoá luận tốt nghiệp	10									4				4				4	3			4	

14. Điều kiện thực hiện chương trình đào tạo

14.1. Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy chương trình đào tạo

T T	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Môn tham gia giảng dạy trong CTĐT
1	Nguyễn Thị Thủy	Thạc sỹ	TC	ĐHĐL	Quản lý tài chính
2	Nguyễn Thị Vân Anh	Thạc sỹ	QT	ĐHĐL	Quản trị học
3	Đinh Thị Minh Tâm	Thạc sỹ	TC	ĐHĐL	Phân tích hoạt động kinh doanh
4	Nguyễn Tổ Tâm	Tiến sỹ	KT	ĐHĐL	Đạo đức nghề nghiệp
5	Lê Thị Mai Hương	Thạc sỹ	TC	ĐHĐL	Kế toán ngân hàng
6	Trần Thu Huyền	Thạc sỹ	KT	ĐHĐL	Thuế và hệ thống thuế VN
7	Phạm Việt Bình	Thạc sỹ	KT	ĐHĐL	Hệ thống thông tin kế toán
8	Ngô Thị Thúy Ngân	Thạc sỹ	KT	ĐHĐL	Kiểm toán nội bộ
9	Nguyễn Hồng Nhung	Thạc sỹ	TC	ĐHĐL	Quản lý tài chính
10	Nguyễn Đức Quang	Thạc sỹ	KT	ĐHĐL	Kế toán các ngành kinh doanh đặc biệt
11	Nguyễn Thị Kim Chi	Thạc sỹ	KT	ĐHĐL	Kế toán quản trị
12	Đinh Thị Lan	Thạc sỹ	KT	ĐHĐL	Tổ chức công tác kế toán
13	Lê Quỳnh Anh	Thạc sỹ	KT	ĐHĐL	Kế toán công
14	Nguyễn Thị Kiều Trang	Thạc sỹ	KT	ĐHĐL	Lý thuyết kiểm toán
15	Dương Văn Hùng	Thạc sỹ	QT	ĐHĐL	Phương pháp tối ưu trong kinh tế
16	Nguyễn Thị Thanh Dần	Tiến sỹ	QT	ĐHĐL	Quản trị nhân lực
17	Ngô Trọng Tuấn	Thạc sỹ	QT	ĐHĐL	Quản trị nhân lực
18	Nguyễn Thị Kim Thanh	Thạc sỹ	KT	ĐHĐL	Nguyên lý kế toán
19	Nguyễn Thị Việt Ngọc	Thạc sỹ	QT	ĐHĐL	Hành vi tổ chức
20	Nguyễn Ngọc Trung	Thạc sỹ	QT	ĐHĐL	Hành vi tổ chức
21	Nguyễn Quỳnh Anh	Thạc sỹ	TC	ĐHĐL	Kế toán ngân hàng
22	Lê Anh Tuấn	<u>PGS.TS</u>	TC	ĐHĐL	Toán kinh tế
23	Nguyễn Trung Hạnh	Thạc sỹ	KT	ĐHĐL	Quản trị rủi ro
24	Nguyễn Ngọc Thía	Thạc sỹ	KT	ĐHĐL	Kiểm soát quản trị

T T	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Môn tham gia giảng dạy trong CTĐT
25	Trương Thị Thu Hường	Thạc sỹ	QT	ĐHĐL	Kinh tế vĩ mô
26	Đàm Văn Khanh	Thạc sỹ	QT	ĐHĐL	Marketing căn bản
27	Đặng Quốc Hương	Thạc sỹ	TC	ĐHĐL	Kế toán ngân hàng
28	Phan Duy Hùng	Thạc sỹ	QT	ĐHĐL	Tin học ứng dụng trong quản lý
29	Nguyễn Thu Hương	Thạc sỹ	QT	ĐHĐL	Nguyên lý thống kê kinh tế
30	Nguyễn Ngọc Hiền	Thạc sỹ	KT	ĐHĐL	Kế toán tài chính 1,2
31	Cao Thị Phương Thủy	Thạc sỹ	KT	ĐHĐL	Kế toán quản trị chi phí
32	Nguyễn Thị Thanh Mai	Thạc sỹ	KT	ĐHĐL	Thuế và hệ thống thuế VN
33	Trần Thanh Tuấn	Tiến sỹ	TC	ĐHĐL	Phân tích BCTC
34	Vũ Hồng Tuấn	Thạc sỹ	QT	ĐHĐL	Quản lý chiến lược
35	Phùng Thị Đoan	Tiến sỹ	KT	ĐHĐL	Kế toán tài chính
36	Vũ Quốc Bình	Tiến sỹ	KT	ĐHĐL	Kế toán quản trị chuyên sâu
37	Nguyễn Thế Hùng	Tiến sỹ	TC	ĐHĐL	Tài chính quốc tế
38	Nguyễn Bạch Nguyệt	PGS.TS	KT	ĐHĐL	Kiểm soát nội bộ
39	Nguyễn Văn Nam	PGS.TS	KT	ĐHĐL	Kế toán quản trị chuyên sâu
40	Trần Xuân Giao	Thạc sỹ	KT	ĐHĐL	Hệ thống thông tin kế toán
41	Bùi Nhất Giang	Thạc sỹ	KT	ĐHĐL	Kế toán chi phí
42	Lê Thị Hòa	PGS.TS	KT	ĐHĐL	Kế toán quốc tế
43	Vương Thị Hồng	Thạc sỹ	Thư ký Khoa	ĐHĐL	

14.2. Cơ sở vật chất đảm bảo phục vụ cho chương trình đào tạo

PHÒNG HỌC, GIẢNG ĐƯỜNG, TRANG THIẾT BỊ HỖ TRỢ GIẢNG DẠY

Số TT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính...)	Số lượng	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
1	Phòng học	106	14.629			
2	Phòng máy tính		875	Máy tính	218	
3	Phòng học ngoại ngữ	0	0			
4	Hội trường	2	292			
5	Thư viện	1	1.176	Sách	4.448	

DANH MỤC GIÁO TRÌNH DÙNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Mã HP	Học phần	Sách giáo trình					
			Tên sách	Mã sách	Tác giả	NXB	Năm XB	Số bản
1	003923	Triết học Mác Lênin	Giáo trình Triết học Mác - Lênin			Bộ Giáo dục và đào tạo	2019	
3	003505	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh dùng cho các trường Đại học Cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh	KMN180 0121-3	Bộ giáo dục và đào tạo	Nhà xuất bản chính trị quốc gia sự thật	2017	3
9	003360	Toán cao cấp 1	Toán học cao cấp Tập 1 Đại số và hình học giả tích	Vn11013 20-568	Nguyễn Đình Trí	Nhà xuất bản Giáo dục	2001	249
10	003366	Toán cao cấp 2	Toán học cao cấp Tập 2 Phép tính giải tích và biến số	Vn11018 23-2073	Nguyễn Đình Trí	Nhà xuất bản Giáo dục	2001	250
11	003657	Xác suất thống kê	Giáo trình lý thuyết và xác suất thống kê toán	VN11029 29-33; VN14086 26-75	Nguyễn Cao Văn	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	2008	55
12	001893	Nhập môn tin học	Giáo trình nhập môn tin học	KML180 0138	Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Hữu Quỳnh, Nguyễn Thị Thanh Tân	Đại học Điện lực	2014	1

TT	Mã HP	Học phần	Sách giáo trình					
			Tên sách	Mã sách	Tác giả	NXB	Năm XB	Số bản
13	002018	Pháp luật đại cương	Pháp luật đại cương dùng cho các trường Đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp			Nhà xuất bản Chính trị quốc gia	2008	
14	002244	Quản trị học		KMV180 0209	Nguyễn Hải Sản	Nhà xuất bản Thống kê	2007	1
15	001216	Kinh tế vi mô	Giáo trình Kinh tế học	KMN180 0148	PGS.TS.Vũ Kim Dũng	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2012	1
16	001223	Kinh tế vĩ mô	Giáo trình Kinh tế học vĩ mô	KMV180 0240	PGS.TS. Nguyễn Ái Đoàn	Nhà xuất bản Bách Khoa Hà Nội	2010	1
17	002354	Tài chính-tiền tệ	Giáo trình Lý thuyết tài chính tiền tệ	VN13085 43-62; VN17090 29-38	PGS. TS. Nguyễn Hữu Tài	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2012	30
18	001852	Nguyên lý thống kê kinh tế	Giáo trình Lý thuyết thống kê	KMN180 0147	PGS.TS. Trần Thị Kim Thu	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2017	1
19	001506	Luật kinh tế	Giáo trình Luật kinh tế	KMV180 0154-7	Nguyễn Hợp Toàn	Đại học Kinh tế quốc dân	2016	4
20	002078	Phương pháp tối ưu trong kinh tế	Phương pháp định lượng trong quản lý kinh tế	KMV180 0110; KMV180 0237	PSG.TS Lê Anh Tuấn, Ths Nguyễn Ngọc Thía, TS Dương Trung Kiên	NXB giáo dục Việt nam	2012	2
21	001838	Nguyên lý kế toán	Nguyên lý kế toán	KMV190 0394	Nguyễn Tô Tâm, Nguyễn Ngọc Hiền, Lê Thị Mai Hương, Nguyễn Đức Quang	Nhà xuất bản giáo dục	2018	1
			Hệ thống câu hỏi và bài tập Nguyên lý kế toán	KMV190 0395	Nguyễn Tô Tâm, Nguyễn Ngọc Hiền, Lê Thị Mai Hương, Nguyễn Đức Quang	Nhà xuất bản giáo dục	2018	1
22	001067	Kế toán tài chính 1	Giáo trình kế toán tài chính 1, 2, 3	KML180 0098; KML180 0097;	Nguyễn Xuân Hưng, Đặng Ngọc Vàng	NXB ĐH Kinh tế TPHCM	2015	3

TT	Mã HP	Học phần	Sách giáo trình					
			Tên sách	Mã sách	Tác giả	NXB	Năm XB	Số bản
				KML180 0096				
23	001071	Kế toán tài chính 2	Giáo trình kế toán tài chính 1, 2, 3	KML180 0098; KML180 0097; KML180 0096	Nguyễn Xuân Hưng, Đặng Ngọc Vàng	NXB ĐH Kinh tế TP.HCM	2015	3
24	001044	Kế toán quản trị	Giáo trình Kế toán quản trị	KMV180 0369-70	PGS.TS Nguyễn Ngọc Quang	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2014	2
25	001056	Kế toán quốc tế	ACCA Approved Interactive Text Foundations in Accountancy/ ACCA Financial Accounting (FFA/FA)	KMNN18 00077	ACCA	London. Content reviewed by ACCA's examining team 2018	2018	1
26	001013	Kế toán chi phí	Kế toán chi phí	VL17076 21-30	TS. Đoàn Ngọc Quế, PGS.TS. Phạm Văn Dược, TS. Huỳnh Lợi	NXB Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	2015	10
27	001575	Lý thuyết Kiểm toán	Kiểm toán (toàn tập)	KMV180 0229	Khoa KTKT, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	NXB Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	2014	1
28	000953	Hệ thống thông tin kế toán	Hệ thống thông tin kế toán 1	KMV180 0214	Huỳnh Văn Hiếu	Nhà XB KTHCM	2015	1
29	003212	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán	Professional English In Use	NN12014 61-2	Ian MacKenzie	Cambridge University Press	2008	2
30	001967	Phân tích hoạt động kinh doanh	Giáo trình phân tích kinh doanh	KMV180 0211	PGS.TS Nguyễn Văn Công	Nhà xuất bản Đại học kinh tế Quốc dân	2009	1
31	002208	Quản lý tài chính	Giáo trình tài chính doanh nghiệp	KMV180 0213	Bùi Văn Vần	Tài chính	2013	1
32	003093	Thuế và hệ thống thuế Việt Nam	Giáo trình Thuế	KMN180 0149	Nguyễn Thị Liên	Tài chính	2014	1
33	002059	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	VN11066 91-9	Vũ Cao Đàm	Khoa học kỹ thuật	2005	10

TT	Mã HP	Học phần	Sách giáo trình					
			Tên sách	Mã sách	Tác giả	NXB	Năm XB	Số bản
34	003373	Kinh tế lượng	Giáo trình môn học Kinh tế lượng	KMD180 0027	Trương Huy Hoàng	Hội Điện lực Việt Nam	2014	1
35	003304	Tin học ứng dụng trong quản lý kinh tế	Tin học ứng dụng	KMN 1200003	Hàn Viết Thuận	KTQD	2012	1
36	002176	Quản lý nhân lực	Quản trị nhân lực	KMV180 0238	Nguyễn Ngọc Quân	Kinh tế quốc dân	2012	1
37	002338	Tài chính doanh nghiệp	Giáo trình tài chính doanh nghiệp	KMV180 0213	Bùi Văn Vân	Tài chính	2013	1
38	003347	Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp	Tổ chức công tác kế toán	KMV190 0396	Nguyễn Tố Tâm, Nguyễn Thị Kim Chi	NXB Giáo dục	2019	1
39	000837	Hành vi tổ chức (*)	Giáo trình hành vi tổ chức	KMN190 0292	Phạm Thúy Hương	Kinh tế quốc dân	2018	1
40	000384	Đạo đức nghề nghiệp kế toán - kiểm toán (*)	Giáo trình Đạo đức kinh doanh và văn hóa công ty	KMV190 0393	Nguyễn Mạnh Quân	Kinh tế quốc dân	2013	1
			Paper P1 Governance	NN19017 86	ACCA	New York. BPP Learning Media	2015	
41	003105	Thương mại điện tử (*)	Giáo trình thương mại điện tử căn bản	KMV180 0205	Nguyễn Văn Hồng	Bách Khoa	2013	1
42	001958	Phân tích báo cáo tài chính (*)	Giáo trình phân tích báo cáo tài chính	KMV120 0076	Nguyễn Năng Phúc	Kinh tế quốc dân	2011	1
43	002674	Thực hành kê khai và quyết toán thuế (*)	Giáo trình Thuế	KMN180 0149	Nguyễn Thị Liên	Tài chính	2014	1
44	002347	Tài chính quốc tế (0*)	Giáo trình Tài chính quốc tế	VN12084 18-37	Nguyễn Văn Tiến	Thống kê	2010	20
45	00962	Hệ thống thông tin quản lý (0*)	Giáo trình hệ thống thông tin quản lý	Vv11069 44-60	Phạm Thị Thanh Hồng	Khoa học và Kỹ thuật	2007	17
46	002526	Thị trường tài chính (0*)	Thị trường tài chính	Vv17092 68-77; Vv17092 38-47	Nguyễn Đăng Dòn	NXB Phương Đông	2012	20

TT	Mã HP	Học phần	Sách giáo trình					
			Tên sách	Mã sách	Tác giả	NXB	Năm XB	Số bản
47	001671	Marketing căn bản (0*)	Marketing căn bản	KMN180 0266-7	Trần Minh Đạo	Đại học Kinh tế Quốc dân	2013	2
48	001981	Phân tích thẩm định dự án (0*)	Phân tích hiệu quả dự án đầu tư	KMN180 0162	Phạm Thị Thu Hà	NXB Chính trị quốc gia	2013	1
49	‘00321 5	Tiếng Anh chuyên ngành nâng cao (0*)	Professional English In Use	NN12014 61-2	Ian MacKenzie	Cambridge University Press	2008	2
50	001130	Kiểm soát quản lý (0*)	Giáo trình Kiểm soát quản lý	KMV180 0218	Nguyễn Thị Phương Hoa	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2009	1
51	001150	Kiểm toán nội bộ(0*)	Kiểm toán nội bộ	KMV180 0227	Trịnh văn Vinh	NXB Tài chính	2012	1
52	001006	Kế toán các ngành kinh doanh đặc biệt	Kế toán dịch vụ	VL11013 43-7	Nguyễn Phú Giang	NXB Tài chính	2008	5
53	001015	Kế toán công	Kế toán Hành chính sự nghiệp	KMV180 0219	Võ Văn Nhị	Giáo trình kế toán hành chính sự nghiệp	2009	1
54	001155	Kiểm toán tài chính	Kiểm toán	KMV180 0229	Khoa KTKT	Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	2014	1
55	001038	Kế toán ngân hàng	Kế toán ngân hàng	VV 1709188-97	Nguyễn Thị Loan	Phương Đông	2012	10
56	002690	Thực hành kế môn học toán doanh nghiệp	Tổ chức công tác kế toán	KMV190 0396	Nguyễn Tô Tâm, Nguyễn Thị Kim Chi	NXB Giáo dục	2019	1
57	001048	Kế toán quản trị chuyên sâu	Giáo trình Kế toán quản trị	KMV120 0079	Nguyễn Ngọc Quang	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2011	1
58	001129	Kiểm soát nội bộ	Kiểm soát nội bộ	KMV180 0226	Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Nhà xuất bản phương đông	2012	1
59	002106	Quản lý chiến lược	Quản trị chiến lược	Vv13079 77-96	Ngô Kim Thanh	Kinh tế Quốc dân	2012	20
60	002268	Quản trị rủi ro	Quản trị rủi ro và khủng hoảng	Vv11070 32	Đoàn Thị Hồng Vân	NXB Lao động-Xã hội	2009	1

TT	Mã HP	Học phần	Sách giáo trình					
			Tên sách	Mã sách	Tác giả	NXB	Năm XB	Số bản
61	002676	Thực hành kế toán và kiểm soát	Tổ chức công tác kế toán	KMV1900396	Nguyễn Tô Tâm, Nguyễn Thị Kim Chi	NXB Giáo dục	2019	1
62	003029	Thực tập tốt nghiệp	Tổ chức công tác kế toán	KMV1900396	Nguyễn Tô Tâm, Nguyễn Thị Kim Chi	NXB Giáo dục	2019	1
63	003798	Khoá luận tốt nghiệp	Tổ chức công tác kế toán	KMV1900396	Nguyễn Tô Tâm, Nguyễn Thị Kim Chi	NXB Giáo dục	2019	1

DANH MỤC SÁCH CHUYÊN KHẢO, TẠP CHÍ CHUYÊN NGÀNH

TT	Mã HP	Học phần	Tài liệu tham khảo					
			Tên sách	Mã sách	Tác giả	NXB	Năm XB	Số bản
1	003923	Triết học Mác Lênin	Giáo trình Triết học Mác - Lênin,	KMN1800186-7; Vn1106976-7455	Trịnh Thúc Huỳnh	NXB Chính trị quốc gia	2006	482
			Bút ký triết học V.I. Lê-Nin	Vn1108255-7	V.I. Lê-Nin	H Chính Trị Quốc Gia	2004	3
			Chủ Nghĩa Duy Vật Và Chủ Nghĩa Kinh Nghiệm Phê Phán V.I. LÊ-NIN	Vn1108246-8	V.I. Lê-Nin	H Chính Trị Quốc Gia	2004	3
2	003925	Kinh tế Chính trị Mác Lênin	Giáo trình Kinh tế Chính trị Mác-Lênin	Vn1107466-845	Trịnh Thúc Huỳnh	H Chính trị Quốc gia	2004	380
3	003926	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	Giáo trình Chủ nghĩa Xã hội khoa học	Vn1107846-8245	Trịnh Thúc Huỳnh	H Chính trị Quốc gia	2004	400
			Chủ nghĩa xã hội khoa học	Vn1106809-38	Không có	H Giáo dục	2001	30
			Hướng dẫn ôn tập môn chủ nghĩa xã hội khoa học	Vn1106799-808	Phạm Văn Hùng	H Giáo dục	1999	10
3	003505	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Hồ Chí Minh toàn tập (15 tập)	Vv1107558 (tập 1); Vv1107559 + Vv1107571 (tập 2); Vv1107560 (tập 3); Vv1107561 (tập 4); Vv1107562	Trịnh Thúc Huỳnh	H Chính trị Quốc gia	2004	12

TT	Mã HP	Học phần	Tài liệu tham khảo					
			Tên sách	Mã sách	Tác giả	NXB	Năm XB	Số bản
				(tập 5);				
			Hồ Chí Minh toàn tập (15 tập)	Vv1107563 (tập 6); Vv1107564 (tập 7); Vv1107565 (tập 8);	Trịnh Thúc Huỳnh	H Chính trị Quốc gia	2004	12
			Hồ Chí Minh toàn tập (15 tập)	Vv1107566 (tập 9); Vv1107567 (tập 10); Vv1107568 (tập 11); Vv1107569 (tập 12)	Trịnh Thúc Huỳnh	H Chính trị Quốc gia	2004	12
4	003928	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Vn1105954-6263	Trịnh Thúc Huỳnh	H Chính trị Quốc gia	2004 (2006)	310
			Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Vn1106839-68	Không có	H Giáo dục	2001	30
			Văn kiện Đảng, Toàn tập	Vv1107544	Không có	H Chính trị Quốc gia	2002	1
5	003137	Tiếng Anh 1	English grammar in use	KMCD1800 246	Raymond Murphy	New York. Cambridge	2012	1
			English Vocabulary in use: Pre- intermediate and intermediate	KMCD1800 176	Stuart Redman	New York. Cambridge University	1997	1
			Tactics for listening Developing	KMCD1800 248	Jack C. Richard	Sencond Oxenden.- American. Oxford University Press	2005	1
6	003144	Tiếng Anh 2	English grammar in use	KMCD1800 246	Raymond Murphy	New York. Cambridge	2012	1
			English Vocabulary in use: Pre- intermediate and intermediate	KMCD1800 176	Stuart Redman	New York. Cambridge University	1997	1
			Tactics for listening Developing	KMCD1800 248	Jack C. Richard	Sencond Oxenden.- American. Oxford University Press	2005	1

TT	Mã HP	Học phần	Tài liệu tham khảo					
			Tên sách	Mã sách	Tác giả	NXB	Năm XB	Số bản
10	003366	Toán cao cấp 2	Bài tập Toán Cao Cấp tập 2	Vn1102074-328	Nguyễn Đình Trí	H Giáo dục	2001	252
11	003657	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Xác suất thống kê	Vn1102782-95	Đào Hữu Hồ	H Khoa học - Kỹ thuật	2002	14
			Bài tập Xác suất và Thống kê	Vn1102745-51; VN1408676-725	Nguyễn Cao Văn	H Đại học Kinh tế Quốc dân	2013	57
12	001893	Nhập môn tin học	Bài tập nhập môn tin học	KML1800166	Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Hữu Quỳnh, Nguyễn Thị Thanh Tân, Nguyễn Thị Ngọc Tú	Đại học Điện lực		1
			Tự học nhanh Windows XP	Vn1101033-7	Trí Việt, Hà Thành	Văn hóa thông tin	2008	5
			Tự học nhanh tin học văn phòng	Vn1101024-7	Trí Việt, Hà Thành	Văn hóa thông tin	2008	4
13	002018	Pháp luật đại cương	Hiến Pháp 1992, 2013, Bộ luật Hình sự 2000, 2015, Bộ luật dân sự 2005, 2015, Luật lao động 2013, luật đất đai... các Bộ luật Tổ tụng Hình sự, Tổ tụng Dân sự	VN1208291-5 VN1100314-8 Vn1208392-6 VN1105254-8				
14	002244	Quản trị học	Bài tập kinh tế vi mô	KMN1800145	PGS.TS.Vũ Kim Dũng	NXB Lao động xã hội	2014	1
15	001216	Kinh tế vi mô	Bài giảng kinh tế vĩ mô	KMV1800365-6	Nguyễn Văn Ngọc	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2013	2
16	001223	Kinh tế vĩ mô						
17	002354	Tài chính-tiền tệ	Bài tập thống kê	KMV1800236	Trương Thị Thu Hường	ĐHĐL	2017	1
18	001852	Nguyên lý thống kê	Giáo trình thống kê doanh nghiệp	Vv1100444-8	Phạm Ngọc	NXB Giáo Dục Việt	2009	5

TT	Mã HP	Học phần	Tài liệu tham khảo					
			Tên sách	Mã sách	Tác giả	NXB	Năm XB	Số bản
		kinh tế		VV1107624-8	Kiểm	Nam		
			Giáo trình Luật Kinh tế		Lê Minh Toàn	Chính trị quốc gia	2015	
19	001506	Luật kinh tế	Bộ luật Dân sự 2015, Luật Thương mại 2005, Luật trọng tài thương mại 2015, Luật doanh nghiệp năm 2015, Nghị định 43/2010/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp					
20	002078	Phương pháp tối ưu trong kinh tế	Nguyên lý kế toán	KMV1800234	Nguyễn Tô Tâm, Nguyễn Ngọc Hiền, Lê Thị Mai Hương, Nguyễn Đức Quang	Nhà xuất bản giáo dục	2013	1
21	001838	Nguyên lý kế toán	Hệ thống câu hỏi và bài tập Nguyên lý kế toán	KMV1800233	Nguyễn Tô Tâm, Nguyễn Ngọc Hiền, Lê Thị Mai Hương, Nguyễn Đức Quang	Nhà xuất bản giáo dục	2012	1
			Giáo trình Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp	Vv1709198-207	GS.TS Đặng Thị Loan	NXB ĐH Kinh tế quốc dân	2013	10
22	001067	Kế toán tài chính 1	Giáo trình Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp	Vv1709198-207	GS.TS Đặng Thị Loan	NXB ĐH Kinh tế quốc dân	2013	10
23	001071	Kế toán tài chính 2	Giáo trình Kế toán quản trị doanh nghiệp	Vn1105396-400	Đoàn Xuân Tiên	NXB Tài chính	2007	5
24	001044	Kế toán quản trị	Kế toán quốc tế	Vv1100677; VV1107634; KMV1800371-2;	TS Nguyễn Phú Giang	NXB Tài chính	2009	4

TT	Mã HP	Học phần	Tài liệu tham khảo					
			Tên sách	Mã sách	Tác giả	NXB	Năm XB	Số bản
25	001056	Kế toán quốc tế	ACCA Approved Study Text Audit and Assurance (AA), Valid for both paper-and computer	KMNN1800079	ACCA	London. Content reviewed by ACCA's examining team 2018	2018	1
26	001013	Kế toán chi phí	Kế toán chi phí	VL1707621-30	TS. Đoàn Ngọc Quế, PGS.TS. Phạm Văn Dực, TS. Huỳnh Lợi	NXB Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	2015	10
27	001575	Lý thuyết Kiểm toán	Hệ thống chuẩn mực kiểm toán quốc tế (sách dịch)	KMV1800231	Bộ Tài chính	NXB Tài chính	2011	1
			37 chuẩn mực kiểm toán Việt Nam	KMD1800007	Vũ Hoa Tươi	NXB Tài chính	2013	1
28	000953	Hệ thống thông tin kế toán						
29	003212	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán	Phân tích báo cáo tài chính	KMV120076	PGS.TS Nguyễn Năng Phúc	KTQD	2011	1
30	001967	Phân tích hoạt động kinh doanh	Cơ sở của Quản lý tài chính	Vv1107635-9	Nghiêm Sĩ Thương	Giáo dục	2011	5
33	002059	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Bài giảng Kinh tế lượng	Vv1100228-32	Nguyễn Quang Dong	Giao thông vận tải	2008	5
34	003373	Kinh tế lượng	Kinh tế lượng ứng dụng	Vv1100306-12 KMV1200078	Nguyễn Văn Quý	Khoa học kỹ thuật	2010	7
35	003304	Tin học ứng dụng trong quản lý kinh tế	Tài chính doanh nghiệp	Vv1100710-24	Nguyễn Đình Kiệm	Tài chính	2008	15

TT	Mã HP	Học phần	Tài liệu tham khảo					
			Tên sách	Mã sách	Tác giả	NXB	Năm XB	Số bản
36	002176	Quản lý nhân lực	Tài chính doanh nghiệp	VV 1100710-VV 1100724	PGS TS Nguyễn Đình Kiệm	TC	2010	15
41	003105	Thương mại điện tử (*)	Giáo trình Thương Mại điện tử căn bản	KMN180015 4	Trần Văn Hoè	KTQD	2015	1
43	002674	Thực hành kê khai và quyết toán thuế (*)	Tài chính quốc tế	VN 1105734	PGS.TS Đình Trọng Thịnh	TC	2010	1
45	00962	Hệ thống thông tin quản lý (0*)	Thị trường chứng khoán	VN 1308523- VN1308542	PGS.TS Bùi Kim Yến	Thống kê	2009	20
46	002526	Thị trường tài chính (0*)	Quản trị Marketing	KMV180023 9	Trương Đình Chiến	Đại học Kinh tế Quốc dân	2012	1
47	001671	Marketing căn bản (0*)	Lập dự án đầu tư	Vv1100945- 54	Nguyễn Bạch Nguyệt	Đại học Kinh tế Quốc dân	2008	10
49	00321 5	Tiếng Anh chuyên ngành nâng cao (0*)	Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ trong quản lý Tài chính tại Tổng công ty Đường sắt Việt Nam	KMLV13000 81	Nguyễn Tổ Tâm	Đại học Kinh tế Quốc dân	2005	1
50	001130	Kiểm soát quản lý (0*)	Kiểm toán nội bộ hiện đại	KMV180021 7	Victor Z.Brink and Herbert Witt (Nguyễn Đại Lực)	Nhà xuất bản tài chính	2000	1
51	001150	Kiểm toán nội bộ(0*)	Hệ thống chuẩn mực kiểm toán quốc tế (sách dịch)	KMV180023 1	Hội kiểm toán viên hành nghề việt nam	Nhà xuất bản tài chính Hà Nội	2011	1
			Hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam	KMD180000 7		Hồng Đức	2013	1
52	001006	Kế toán các ngành kinh doanh đặc biệt	Giáo trình đơn vị hành chính sự nghiệp	VV1107645- 9	Nguyễn Ngọc Quang	Giáo dục	2011	5

TT	Mã HP	Học phần	Tài liệu tham khảo					
			Tên sách	Mã sách	Tác giả	NXB	Năm XB	Số bản
53	001015	Kế toán công	ACCA Approved Study Text Audit and Assurance (AA), Valid for both paper-and computer	KMNN1800 079	ACCA	London. Content reviewed by ACCA's examining team 2018	2018	1
54	001155	Kiểm toán tài chính	Hệ thống chuẩn mực kiểm toán quốc tế (sách dịch)	KMV180023 1	Hội kiểm toán viên hành nghề việt nam	Nhà xuất bản tài chính Hà Nội	2011	1
			Hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam	KMD180000 7		Hồng Đức	2013	1
			Bài tập kế toán ngân hàng thương mại	VN 1105626-37	Hà Minh Sơn	TC	2008	12
57	001048	Kế toán quản trị chuyên sâu	CMAexcel Learning System, Exam review, Part 1- Financial Reporting, Planning, Performance and Control	KMNN1900 089	IMA (Institute of Management Accountants)	Wiley	2019	

15. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kế toán được xây dựng phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, mục đích, mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Trường Đại học Điện lực và theo hướng đổi mới phương pháp giảng dạy gắn liền với thực tiễn, giảm giờ lý thuyết, tăng giờ thảo luận và tự học, lấy người học làm trung tâm. Đồng thời, chương trình đảm bảo sự liên thông ngang, liên thông dọc phù hợp với quy định hiện hành.

Sinh viên khi nhập học được cung cấp email, tài khoản truy cập vào cổng thông tin Đại học Điện lực để xem thông tin về chương trình đào tạo, các quy chế, qui định liên quan đến đào tạo qua trang web của trường theo địa chỉ <http://www.epu.edu.vn>.

Phòng Đào tạo Trường Đại học Điện lực tổ chức, triển khai thực hiện chương trình giảng dạy theo quy chế đào tạo hiện hành. Trong quá trình thực hiện, các khoa quản lý chương trình đào tạo đề xuất thay đổi các học phần tự chọn, hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp với thực tiễn.

Ít nhất 2 năm một lần, các khoa quản lý chương trình đào tạo phải tổ chức đánh giá chương trình đào tạo sao cho phù hợp với những thay đổi trong quy định của nhà nước, của nhà trường về chương trình đào tạo; những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành; các vấn đề kinh tế xã hội, kết quả nghiên cứu liên quan đến chương trình đào tạo; phản hồi của các bên liên quan; những thay đổi học phần, môn học hoặc nội dung

chuyên môn... Việc rà soát, cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo thực hiện theo quy định hiện hành.

HIỆU TRƯỞNG

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ CTĐT

TS. Trương Huy Hoàng

TS. Nguyễn Tố Tâm